

Số 1395 /SYT-KHTC
V/v quản lý, thanh toán tiền thuốc
BHYT các gói thầu mua thuốc thuộc
kế hoạch lựa chọn nhà thầu sử dụng
tại các cơ sở y tế

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:

- Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Thủ trưởng các cơ sở y tế Trung ương, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc các Bệnh viện, Phòng khám đa khoa tư nhân trên địa bàn tỉnh.

(sau đây gọi tắt là các cơ sở y tế)

Trong thời gian qua, Sở Y tế nhận được phản ánh khó khăn, vướng mắc của các cơ sở y tế trong việc thực hiện Công văn số 186/BHXH-GĐBYT ngày 26/02/2019 về việc quản lý thanh toán thuốc BHYT và thực hiện Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2018 về việc thực hiện mua thuốc theo các hợp đồng cung ứng của các gói thầu năm 2019 và thanh toán tiền thuốc BHYT theo các hợp đồng cung ứng của gói thầu năm 2017.

Về việc này, Sở Y tế đã tiến hành họp với BHXH tỉnh và thống nhất ý kiến như sau:

1. Đối với Danh mục thuốc kèm theo Công văn số 186/BHXH-GĐBYT ngày 26/02/2019 *(Công văn đính kèm)*:

- Để đảm bảo có đủ thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại các đơn vị đối với một số thuốc, các cơ sở y tế được sử dụng, thanh toán BHYT các thuốc theo ý kiến thống nhất của cuộc họp *(Phụ lục 1 đính kèm)*.

- Các thuốc còn lại thực hiện theo ý kiến của BHXH tỉnh tại Công văn số 186/BHXH-GĐBYT ngày 26/02/2019 *(Phụ lục đính kèm)*.

2. Đối với các thuốc mua theo các hợp đồng cung ứng với các nhà thầu được lựa chọn trúng thầu các gói thầu mua thuốc năm 2017:

- Thực hiện theo chỉ đạo của Sở Y tế tại Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2018.

- Riêng đối với thuốc thuộc Mục 2 Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2018 “*đối với các thuốc mua theo hợp đồng cung ứng thuốc các gói thầu năm 2017 còn hiệu lực (trước ngày 01/01/2019), sẽ được gia hạn thời gian sử dụng gói thầu trên hệ thống thông tin giám định BHYT đến hết ngày 28/02/2019...*” chỉ được tiếp tục gia hạn thời gian thanh toán trên hệ thống đến

PHỤ LỤC 1

(đính kèm Công văn số 1745 /SYT-KHTC ngày 01 /04/2019)

STT	STT theo CV BHXH	Mã thuốc	Nhóm theo TT 11	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú	Ý kiến thống nhất sau cuộc họp
1	1	TPA019702	1	Amikacin	SELEMYCIN 250mg/2ml	250mg/2ml	Dung dịch tiêm	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Ngọc Linh Trang	Ông	11.700	31.500	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có dạng tiêm hàm lượng 250mg/2ml cho bệnh nhân	Được sử dụng cho bệnh nhân nhi
2	7	TP018202	2	Ceftizoxim	Cefibiotic 2000	2g	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần dược Medipharco	Lọ	48.900	89.985	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có hàm lượng 2g cho bệnh nhân. Nếu sử dụng hàm lượng 1g, 0.5g thay thế có nguy cơ không đủ thuốc	Được sử dụng khi hết số lượng thuốc hàm lượng 1g
3	8	TP067801	2	Esomeprazol	Eraeso 20	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty TNHH dược phẩm và trang thiết bị y tế Đại Trường Sơn	viên	1.267.200	2.040	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có dạng viên nén bao phim hàm lượng 20mg cho bệnh nhân. Và có nguy cơ không đủ thuốc do thuốc đề nghị chuyển đổi có số lượng lớn	Được sử dụng khi hết số lượng thuốc cùng hàm lượng Nhóm 3
4	12	TP051903	2	Nifedipin	Macorel	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	viên	1.301.500	3.580	Nếu chuyển đổi sử dụng có nguy cơ không đủ thuốc cho bệnh nhân do có số lượng lớn	Được sử dụng cho bệnh nhân suy thận
6	14	TP052201	2	Perindopril Arginine; Indapamide	Coversyl Plus Arginine	5mg + 1,25mg	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	Viên	47.000	6.500	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có hàm lượng 5mg + 1,25mg cho bệnh nhân.	Được tiếp tục sử dụng cho bệnh nhân



STT	STT theo CV BHXH	Mã thuốc	Nhóm theo TT 11	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú	Ý kiến thống nhất sau cuộc họp
7	16	TP019603	2	Ticarcilin + Clavulanic	TICARLINAT 1.6G	1,5g + 0,1g	Thuốc bột pha tiêm truyền	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	Hộp/lọ	19.800	105.000	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có hàm lượng 1,5g + 0,1g cho bệnh nhân.	Được sử dụng cho bệnh nhân nhi
8	17	TV101106	3	Acid amin	Kidmin	7,2% 200ml (dùng cho người suy thận)	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Codupha	Chai	44.250	115.000	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ có nguy cơ không đủ dạng truyền cho riêng bệnh nhân suy thận.	Được tiếp tục sử dụng cho bệnh nhân
9	22	TV103402	3	Calci lactat	Ocetamin 300	300mg	Viên nén phân tán	Công ty TNHH dược phẩm Tự Đức	Viên	640.000	1.698	Nếu chuyển đổi sử dụng có nguy cơ không đủ thuốc cho bệnh nhân do có số lượng lớn	Viên phân tán được sử dụng theo hướng dẫn Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2019
10	23	TV016706	3	Cefđinir	Smodir-DT	300mg	Viên nén phân tán	Công ty TNHH dược phẩm Sao Mộc	Viên	44.500	12.950		Viên phân tán được sử dụng theo hướng dẫn Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2019
11	31	TV099801	3	N-Acetylcystein	VACOMUC 100	100mg	Dạng thuốc cốm uống	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Gói	607.000	393	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có dạng thuốc cốm uống hàm lượng 100mg cho bệnh nhân.	Được sử dụng cho bệnh nhân nhi
12	32	TV097902	3	Natri montelukast	Opesinkast 5	5mg	Viên phân tán	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Phát	Viên	172.000	4.500	So sánh giá viên phân tán và viên nén bao phim là không hợp lý.	Viên phân tán được sử dụng theo hướng dẫn Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2019
13	33	TV019202	3	Piperacilin: Tazobactam	Vitazovilin	2g + 0.25g	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH Dược phẩm An	Lọ	41.800	79.700		Được sử dụng cho bệnh nhân nhi

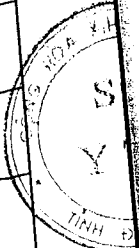
STT	STT theo CV BHXH	Mã thuốc	Nhóm theo TT 11	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú	Ý kiến thống nhất sau cuộc họp
15	37	TV105504	3	Magnesi lactat + vitamin B6	DEBOMIN	10mg + 940mg	Viên nén sủi	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	Viên	588.000	2.600	So sánh giá viên sủi và viên nén là không hợp lý. Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có dạng viên sủi cho bệnh nhân	Được tiếp tục sử dụng cho bệnh nhân
16	38	TT018401	4	Cefuroxim	ZANMITE 125MG	125mg	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	100.000	2.630	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có hàm lượng 125mg cho bệnh nhân	Được sử dụng cho bệnh nhân
18	44	TV016106	3	Cefaclor	Bicelor 250 DT	250mg	Viên nén phân tán	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Viên	71.000	7.350	Nếu chuyển đổi sử dụng sẽ không có dạng viên phân tán cho bệnh nhân	Viên phân tán được sử dụng theo hướng dẫn Công văn số 5955/SYT-KHTC ngày 27/12/2019
19	47	TP019203	2	Piperacilin + Tazobactam	Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0.25g	2g + 0,25g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Sao Mai	Lọ	24.000	79.000		Được sử dụng cho bệnh nhân

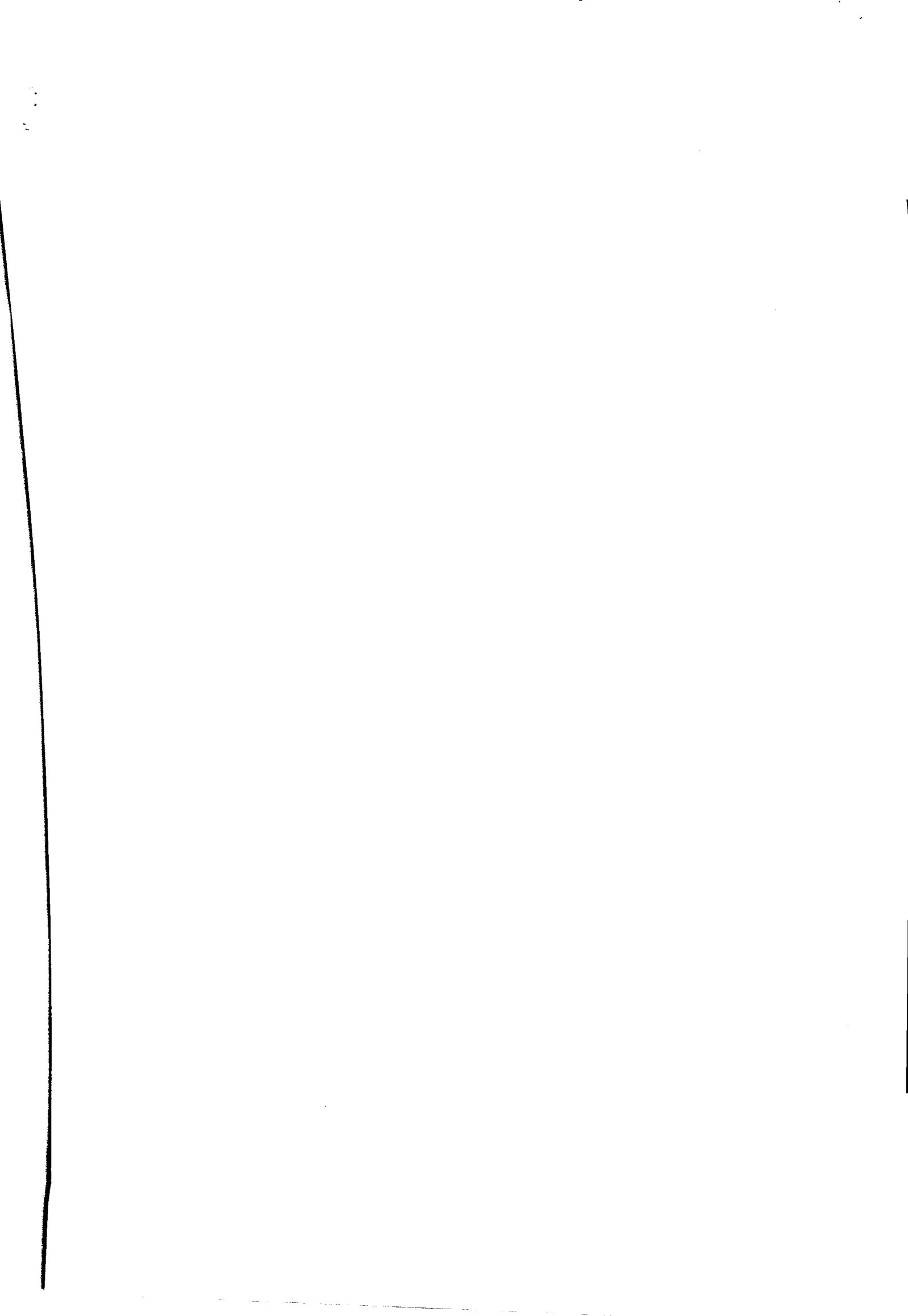
Tổng cộng: 19 mặt hàng

PHỤ LỤC 2

(đính kèm Công văn số /SYT-KHTC ngày /04/2019)

STT	STT theo CV BHXH	Mã thuốc	Nhóm theo TT 11	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú
1	2	TPA054902	1	Atorvastatin	Zentacor 40mg	40mg	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1	Viên	143.000	9.100	
2	3	TPA089903	1	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 24mg	24mg	Viên nén	Công ty TNHH một thành viên Vimedimex Bình Dương	Viên	140.000	5.962	
3	4	TPA017902	1	Ceftazidime	Ceftazidime Kabi 0,5g	0,5g	Bột pha dung dịch tiêm	Công ty TNHH thương mại Thiện Chí	lọ	4.800	47.985	
4	5	TPA055804	1	Rosuvastatin	pms-ROSUVASTATIN	5mg	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	15.000	6.500	
5	6	TP049303	2	Bisoprolol Fumarat	PROLOL SAVI 10	10mg	viên nén bao phim	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	Viên	603.000	3.000	
6	9	TP013202	2	Gabapentin	GABAPENTIN 600	600mg	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	89.000	7.500	
7	10	TP051201	2	Losartan	Losartan Stada 25mg	25mg	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Dược Phẩm Khương Duy	viên	280.000	1.200	
8	11	TP051701	2	Nebivolol	Nebicard 2.5	2,5mg	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Mặt Trời Mới	Viên	68.000	3.700	
9	13	TP052003	2	Perindopril erbumin	SAVIDOPRIL 8	8mg	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	257.000	3.440	
10	15	TP033702	2	Sumatriptan	Migtana 50	50mg	Viên nén bao phim	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	Viên	11.000	23.000	
11	18	TV092201	3	Alverin citrat	Savisang60	60mg	Viên nén	Công ty TNHH trang thiết bị y tế và dược phẩm Nguyễn Phát	Viên	470.000	699	
12	19	TV015404	3	Amoxicilin	Pharmox 875	875mg	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Gia Lai	Viên	136.000	2.450	
13	20	TV015507	3	Amoxicilin + Clavulanic acid	Auclanityl 562,5mg	500mg + 62,5mg	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược Đại Nam Hà Nội	Viên	404.500	2.600	
14	21	TV089902	3	Betahistin dihydroclorid	UMTES 24MG	24mg	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	287.000	1.200	





STT	STT theo CV BHXH	Mã thuốc	Nhóm theo TT 11	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú
15	24	TV056203	3	Choline afoscerat 800mg	Tenaspec	800mg	viên nang mềm	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế dược phẩm Hiệp Nhất	Viên	57.000	24.000	
16	25	TV069703	3	Drotaverin hydroclorid	Dromasm fort	80 mg	Viên nén	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	Viên	675.000	693	
17	26	TV026402	3	Entecavir	A.T Entecavir 1	1mg	viên nén bao phim	Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh	Viên	82.000	42.000	
18	27	TV047202	3	Erythropoietin	Nanokine 4000 IU	Alfa; 4.000 IU	dung dịch tiêm	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Lọ/ Ông/Bơm tiêm	22.500	325.000	
19	28	TV014702	3	Ivermectin	Ivermectin 6 A.T	6mg	viên nén bao phim	Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh	Viên	3.500	60.000	
20	29	TV051402	3	Methyl dopa	Thyperopa forte	500mg	Viên nén bao phim	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	Viên	227.300	1.785	
21	30	TV099303	3	Nabumeton	MEBUFEN 750	750mg	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	50.000	6.500	
22	34	TV068405	3	Sucralfat	PD-SUCRALFAT 2000	2.000mg/15 g	Hỗn dịch uống	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Gói	346.000	5.500	
23	35	TV052902	3	Valsartan; Hydrochlorothiazid	Midatoren 160/12,5	160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phúc Nguyên	Viên	85.000	5.400	
24	36	TP047203	2	Erythropoietin alpha	HEMAX 2000 IU	2.000IU	Bột đông khô pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Âu Việt	Lọ	9.000	180.000	
25	39	TT080002	4	Gliclazid	DOROCRON MR 60MG	60mg	Viên nén giải phóng có biến đổi	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Viên	1.250.000	2.900	
26	40	TPA049302	1	Bisoprolol fumarate	Diopolol 2.5	2,5mg	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Viên	385.000	1.800	
27	41	TT018403	4	Cefuroxim	Efodyl	125mg; 1,5g	Cốm pha hỗn dịch	Công ty Cổ Phần Dược Pha Nam	Gói	203.000	7.500	
28	42	TT047901	4	Isosorbid (mononitrat)	Vasotrate-30 OD	30mg	viên nén phóng thích kéo dài	Công ty TNHH dược phẩm Tâm Đức	Viên	346.000	2.000	
29	43	TV013202	3	Gabapentin	Myleran 400	400mg	viên nang cứng	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Tây Âu	Viên	44.000	5.180	

STT	STT theo CV BHXH	Mã thuốc	Nhóm theo TT 11	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Tên nhà thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Ghi chú
30	45	TV016904	3	Cefixim	Lotrial S-200	200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Công ty TNHH Nhân Sinh	Gói	45.000	6.800	
31	46	TV048502	3	Ivabradin	NISTEN-F	7,5mg	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Gon Sa	Viên	101.000	6.150	
32	47	TP019204	2	Piperacilin + tazobactam	ZOBACTA 3.375G	3g + 0,375g	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	Lọ	13.000	99.500	
Tổng cộng: 32 mặt hàng												



Số: 5955 /SYT-KHTC

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2018

V/v thực hiện mua thuốc theo các hợp đồng cung ứng của các gói thầu năm 2019 và thanh toán tiền thuốc BHYT mua theo các hợp đồng cung ứng thuốc của các gói thầu năm 2017

Kính gửi:

- Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Thủ trưởng các cơ sở y tế Trung ương, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc các Bệnh viện, PKĐK tư nhân trên địa bàn tỉnh.

(sau đây gọi tắt là các cơ sở y tế)

Ngày 14/12/2018, Sở Y tế đã có Công văn số: 1342 /SYT-KHTC về việc thương thảo ký hợp đồng cung ứng các gói thầu năm 2019 yêu cầu các cơ sở y tế khẩn trương liên hệ với BHXH tỉnh thực hiện việc ánh xạ các thuốc trúng thầu năm 2019 để đảm bảo đủ và kịp thời thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh và thanh toán tiền thuốc BHYT đúng quy định khi hiệu lực hợp đồng cung ứng thuốc của các gói thầu năm 2017 hết hiệu lực vào ngày 31/12/2018.

Tuy nhiên theo báo cáo của các cơ sở y tế, các thuốc đã mua theo các hợp đồng cung ứng thuốc trong thời gian còn hiệu lực của các gói thầu năm 2017 sẽ tiếp tục được sử dụng trong năm 2019 sẽ gặp khó khăn khi thanh toán BHYT. Về việc này, Sở Y tế đã thống nhất ý kiến với BHXH tỉnh như sau:

1. Các cơ sở y tế khẩn trương hoàn tất việc ký hợp đồng cung ứng, ánh xạ các gói thầu năm 2019 đảm bảo việc mua, sử dụng, thanh toán BHYT đúng quy định kể từ ngày 01/01/2019.

Lưu ý: Các mặt hàng có dạng bào chế đặc biệt; có giá trúng thầu cao so với các mặt hàng khác có cùng tác dụng thì phải sử dụng đúng chỉ định, hợp lý để tránh làm tăng chi phí quỹ khám chữa bệnh BHYT (ví dụ như loại thuốc có thành phần hoạt chất đặc biệt, mặt hàng bào chế dạng viên phân tán...)

2. Đối với các thuốc mua theo hợp đồng cung ứng thuốc các gói thầu năm 2017 còn hiệu lực (trước ngày 01/01/2019), sẽ được gia hạn thời gian sử dụng gói thầu trên hệ thống thông tin giám định Bảo hiểm y tế đến hết ngày 28/02/2019.

Riêng đối với các thuốc có hoạt chất không có trong danh mục trúng thầu của các gói thầu năm 2019, được gia hạn thời gian sử dụng gói thầu trên hệ thống thông tin giám định Bảo hiểm y tế đến hết tháng 4/2019. Các cơ sở y tế

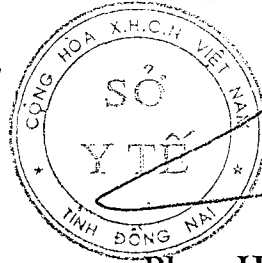
phải rà soát, báo cáo Sở Y tế, BHXH tỉnh Danh mục các thuốc này để thống nhất ý kiến trước khi sử dụng để tránh việc không được thanh toán BHYT của cơ quan BHXH tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời về Ban mua thuốc tập trung của tỉnh (ĐT: 0251.3846140, ĐTDD: 091.3370312; Email todauthausytdn@gmail.com) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- BHXH tỉnh ĐN (phối hợp chỉ đạo);
- BGĐ SYT (để biết);
- Website SYT Đồng Nai;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ